

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-ST
Ngày: 24-9-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022, tại Điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và Điểm cầu thành phần đặt tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai (theo hình thức trực tuyến) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn C, sinh ngày 12 tháng 3 năm 1994 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Đường TT, phường TT, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: Ấp x, xã XTS, huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1; Chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Thái N1 (T2); Tiền án: Không; Tiền sự: 02 lần, Vào ngày 17 tháng 3 năm 2016 bị Tòa án nhân dân quận BT, thành phố Hồ Chí Minh

ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 24 tháng 10 năm 2017; Vào ngày 04 tháng 01 năm 2019, tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 24 tháng, chấp hành xong ngày 06 tháng 10 năm 2020; Nhân thân: Ngày 20 tháng 11 năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản, đến ngày 10 tháng 12 năm 2015, chấp hành xong án phạt tù (các khoản nộp án phí, nộp sung quỹ Nhà nước được miễn, các khoản bồi thường thiệt hại, đã hết thời hiệu); Tạm giữ: 28 tháng 4 năm 2022; Tạm giam: Ngày 06 tháng 5 năm 2022; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện CT, tỉnh An Giang trong vụ án Cướp giật tài sản tại Ấp BPI, xã BH, huyện CT, tỉnh An Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Đào Thị P, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1981; Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2/ Ngô Thị Kim L, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1979; Có mặt

3/ Nguyễn Văn D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1972; Có mặt

Cùng nơi cư trú: Khóm T2, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Trần Thị Kim N2, Nguyễn Văn H2. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 và ngày 14 tháng 4 năm 2022 Công an thị trấn TTT, tiếp nhận 03 nguồn tin về tội phạm, cụ thể như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 12 tháng 4 năm 2022, Đào Thị P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66G1-527.90 chở theo Trần Thị Kim N2 (con của chị P) đi từ hướng xã TP2 đến thị trấn TTT, khi đến trước cổng Công ty trách nhiệm hữu hạn TD tọa lạc Khóm T2, thị trấn TTT thì có hai thanh niên điều khiển xe mô tô loại EXCITER (cùng chiều phía sau) áp sát giật lấy sợi dây chuyền chị P đeo

trên cổ, nhanh chóng tẩu thoát về hướng thành phố HN. Chị P nhặt lại được mặt dây chuyền.

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 12 tháng 4 năm 2022, chị Ngô Thị Kim L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66K9-0945 đi từ hướng thị trấn TTT (cầu TT) đến xã TL, khi đến cửa hàng Vật tư nông nghiệp SĐ toạ lạc Khóm T2, thị trấn TTT thì có hai thanh niên điều khiển xe mô tô (cùng chiều phía sau) áp sát giật lấy sợi dây chuyền chị L đeo trên cổ, nhanh chóng tẩu thoát về hướng thành phố HN. Chị L nhặt lại được mặt và 01 đoạn dây chuyền.

Vào khoảng 07 giờ ngày 12 tháng 4 năm 2022, anh Nguyễn Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66K7-9751 đi từ hướng thị trấn TTT (cầu TT) về nhà thuộc Khóm T2, thị trấn TTT, khi về gần tới nhà thì có hai thanh niên điều khiển xe mô tô (cùng chiều phía sau) áp sát giật lấy sợi dây chuyền anh D đeo trên cổ, làm sợi dây chuyền đứt dính vào cổ của anh D, nên không lấy được, làm anh D và xe ngã xuống đường, còn 02 thanh niên điều khiển xe mô tô về hướng thành phố HN.

Sau khi sự việc xảy ra, chị Đào Thị P, chị Ngô Thị Kim L, anh Nguyễn Văn D đến Công an thị trấn TTT trình báo. Xét thấy, có dấu hiệu của tội phạm, nên Công an thị trấn TTT chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HN nhận được Công văn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CT, tỉnh An Giang đang điều tra vụ Cướp giật tài sản, xảy ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Ấp BPI, xã BH, huyện CT, tỉnh An Giang, Nguyễn Tuấn C khai nhận cùng đồng bọn còn thực hiện Cướp giật tài sản trên địa bàn huyện HN.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tuấn C thừa nhận cùng với Nguyễn Văn Có N2 cướp giật tài sản. Với vai trò C là người trực tiếp cướp giật những sợi dây chuyền của các bị hại đang đeo trên người (cổ), còn Nguyễn Văn Có N2 ra tín hiệu (khi phát hiện người có đeo dây chuyền vàng) và điều khiển xe mô tô chở C để nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, Nguyễn Văn Có N2 đem bán những dây chuyền vàng vừa cướp được tổng số tiền là 38.000.000 đồng (C không biết bán bao nhiêu sợi dây chuyền), Có N2 giữ 20.000.000 đồng và đưa cho C 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Tuấn C còn khai cùng với đồng bọn, thực hiện hành vi cướp giật tài sản ở huyện TN, tỉnh Đồng Tháp, huyện TH, tỉnh Long An và huyện CT, tỉnh An Giang. Không thuộc thẩm quyền giải quyết Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HN và không nhập vụ án, nên không đề cập trong vụ án này.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 59D1-803.28, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu sơn đỏ - đen, số khung RLCE1S9407Y003274, số máy 1S94003274, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CT, tỉnh An Giang đang tạm giữ và xử lý theo quy định của pháp luật, nên không đề cập trong vụ án này.

Đối với biển số 72Z1-523.68, bộ áo xe màu trắng - đen, Nguyễn Văn Có N2 thay đổi từ bộ áo màu đỏ - đen và biển số 59D1-803.28 là biển số và màu áo xe Có N2 và C dùng để đi cướp giật tài sản vào ngày 12 tháng 4 năm 2022. Qua tra cứu thông tin biển số xe không tìm thấy dữ liệu. Sau khi cướp giật tài sản thì Nguyễn Văn Có N2 bỏ biển số 72Z1-523.68, bộ áo xe màu trắng - đen. Do Nguyễn Văn Có N2 đã chết, nên không xác định được bộ áo ở đâu, nên không thu hồi được, khi nào thu hồi được sẽ xử lý sau.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hồng Ngự, kết luận:

+ 01 (một) sợi dây chuyền và 01 (mặt) dây chuyền vàng 18 kara, có tổng trọng lượng 07 (bảy) chỉ. Trị giá: 24.150.000 đồng (Trong đó: 01 chỉ vàng 18 kara vào ngày 12 tháng 4 năm 2022 có giá: 3.400.000 đồng, tiền công: 350.000 đồng).

+ 01 (một) sợi dây chuyền, dạng dây xoắn, trọng lượng 3,244 (ba phẩy hai bốn bốn) chỉ vàng 18 kara. Trị giá: 11.379.600 đồng (Trong đó: 01 chỉ vàng 18 kara vào ngày 12 tháng 4 năm 2022 có giá: 3.400.000 đồng, tiền công: 350.000 đồng).

+ 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18kara, hình đúc hoa, có trọng lượng 3,05 (ba phẩy không năm) phân. Trị giá: 1.187.000 đồng (Trong đó: 01 chỉ vàng 18 kara vào ngày 12 tháng 4 năm 2022 có giá: 3.400.000 đồng, tiền công: 150.000 đồng).

+ 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18 kara, kiểu dây xoắn, trọng lượng 5,56 (năm phẩy năm sáu) chỉ. Trị giá: 19.254.000 đồng (Trong đó: 01 chỉ vàng 18 kara vào ngày 12 tháng 4 năm 2022 có giá: 3.400.000 đồng, tiền công: 350.000 đồng).

+ 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 08 (tám) phân. Trị giá: 2.870.000 đồng (Trong đó: 01 chỉ mặt dây chuyền vàng 18 kara vào ngày 12 tháng 4 năm 2022 có giá: 3.400.000 đồng, tiền công: 150.000 đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp lời khai các bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSHN ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn C về Tội cướp giật tài sản quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Căn cứ lời khai của bị cáo, các bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội cướp giật tài sản.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi phạm tội, là thành phần nhân dân lao động theo quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 171; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Giữa các bị hại Đào Thị P, Ngô Thị Kim L và bị cáo Nguyễn Tuấn C đã thống nhất về mức bồi thường cụ thể: Bị cáo C bồi thường cho bị hại P tổng số tiền 19.000.000 đồng và bị hại L là 7.100.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Đối với bị hại D không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Viện kiểm sát không đề cập đến. Về vật chứng: Không phát sinh nên không đề cập đến.

Đối với vụ vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, xảy ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Quốc lộ y, ấp z, xã NC, huyện BL, tỉnh Long An. Thuộc

thẩm quyền giải quyết Cơ quan cảnh điều tra Công an huyện BL, tỉnh Long An, nên không đề cập trong vụ án này. Đối với Nguyễn Văn Có N2 là người cùng với bị cáo C cùng nhau thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Nguyễn Văn Có N2 đã chết trong vụ vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, xảy ra ngày 27 tháng 4 năm 2022, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) mua tài sản của bị cáo C và Có N2 do cướp giật mà có. Cơ quan điều tra không làm việc được, khi nào làm việc sẽ xử lý sau.

Đối với bị hại Nguyễn Văn D, khi bị cáo C thực hiện hành vi cướp giật tài sản, làm cho anh D ngã xuống mặt đường bị thương tích, nhưng anh D không yêu cầu giám định thương tích nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi cướp giật sản của mình, bị cáo thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội, bị cáo xin lỗi các bị hại, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và bị cáo thống nhất bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại.

Tại phiên tòa, bị hại Đào Thị P thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Còn phần bồi thường thì thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, bị hại Ngô Thị Kim L thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Còn phần bồi thường thì thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn D thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Còn phần bồi thường thì bị hại không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với nội dung của cáo trạng, lời khai của các bị hại và còn được chứng minh bởi các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án được đánh giá tại phiên tòa hôm nay như: biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, kết luận định giá ... có thể nhận thấy rằng chỉ vì muốn có thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không cần phải lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, cụ thể: bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản với thủ đoạn nguy hiểm (dùng xe mô tô cướp giật tài sản của bị hại) liên tiếp thực hiện hành vi 03 lần chỉ trong một thời gian ngắn với phương thức Nguyễn Văn Có N2 điều khiển xe mô tô áp sát xe của các bị hại để bị cáo Nguyễn Tuấn C giật những sợi dây chuyền vàng của các bị hại Đào Thị P, trị giá 22.124.000 đồng; Ngô Thị Kim L, trị giá 12.566.600 đồng và Nguyễn Văn D, trị giá 24.150.000 đồng, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 58.840.600 đồng.

[3] Như vậy, với các tình tiết, chứng cứ của vụ án đã được chứng minh ở trên, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm Tội cướp giật tài sản theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Cho nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ Luật Hình sự như sau:

“Điều 171. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

.....;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo sợ, thiếu an tâm sản xuất. Bản thân bị cáo có sức khỏe, đáng ra các bị cáo phải tìm cho mình một việc phù hợp, sống bằng chính nguồn thu nhập hợp pháp của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một cách nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện răn đe, giáo dục, giúp bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng như bị cáo.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự thú; nhân thân của bị cáo là thành phần nhân dân lao động quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo lúc lượng hình, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, điều kiện kinh tế thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy sự thoả thuận giữa bị cáo Nguyễn Tuấn C với các bị hại Đào Thị P và Ngô Thị Kim L là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận này.

[10] Về xử lý vật chứng: Không phát sinh, nên không đề cập đến.

[11 Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Các vấn đề khác cáo trạng không đề cập là phù hợp nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn C phạm Tội cướp giật tài sản.

2. Căn cứ các điểm c, d khoản 2 Điều 171; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn C 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

4.1. Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn C bồi thường cho bị hại Đào Thị P số tiền là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

4.2. Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn C bồi thường cho bị hại Ngô Thị Kim L số tiền là 7.100.000 (bảy triệu một trăm nghìn) đồng.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.305.000 (một triệu ba trăm lẻ năm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 9 năm 2022).

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hồng Ngự;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lương Bằng